

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-PT
Ngày 23 - 02 - 2022
V/v yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Cửa

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2021/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021 về “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2021/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 244/2021/QĐPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1959 (có mặt);

2. Bà Phạm Thị R, sinh năm 1962;

3. Anh Nguyễn Nam P, sinh năm 1983 (có mặt);

4. Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà R, anh C: Ông Nguyễn Thanh Đ.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Phạm Thị P trình bày:

Bà là chủ sử dụng và quản lý thửa đất số 717, tờ bản đồ số 5, qua đo đạc thực tế diện tích có 167,6m², tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, nguồn gốc đất do bà nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất của ông Phạm Ngọc Được là anh ruột của bà. Ngày 03/3/2020 bà được Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 717, tờ bản đồ số 5. Quá trình quản lý sử dụng bà có thuê người đến dọn dẹp để cắm trụ rào lại đất thì ông Nguyễn Thanh Đ cùng vợ là Phạm Thị R, con là Nguyễn Nam P và Nguyễn Đức C là người ở trên đất của ông Trần Văn Thu thửa số 55, tờ bản đồ số 2 (nay là thửa 578, tờ bản đồ số 5) tọa lạc tại xã A, huyện B ra ngăn cản, hăm dọa không cho phía bà dọn dẹp và xuống trụ và cản trở quyền sử dụng đất của bà với diện tích qua đo đạc thực tế là 47,8m² và gia đình ông Điền làm mái che bằng tole kẽm quần qua khoảng không trên phần đất bà diện tích 3m². Trên phần đất cản trở có các cây trồng: 01 cây dừa do cha bà trồng và 01 cây me, 01 cây gòn lớn, 02 cây gòn nhỏ, 03 cây trướng cá nhỏ, 01 bụi cây gòn nhỏ, 01 bụi cây mật gấu tự mọc.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh Đ, bà Phạm Thị R, anh Nguyễn Nam P, anh Nguyễn Đức C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất diện tích 47,8m² của bà (phần 2) và tháo dỡ mái che bằng tole kẽm (phần t1) lấn qua khoảng không trên phần đất của bà diện tích 3m² theo họa đồ hiện trạng ngày 24/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B. Bà Phụng thống nhất kết quả đo đạc, định giá và biên bản xem xét thẩm định của Tòa án làm cơ sở giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của các bị đơn Phạm Thị R, Nguyễn Đức C trình bày:

Gia đình ông sống liền kề với phần đất hiện đang tranh chấp từ năm 1968 nên ông biết rõ đất tranh chấp mà gia đình ông ngăn cản là đất công chứ không phải đất của bà Phụng, gia đình bà Phụng không ai quản lý sử dụng đất một ngày nào. Thời gian gần đây, ông nghe tin bà Phụng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuê người dọn dẹp để xây hàng rào, trong khi đất này có 01 cây dừa do cha ông trồng trên 50 năm và 01 cây me trên 20 năm, 01 cây gòn cũng do gia đình ông trồng không nhớ năm nào. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu của bà Phụng. Ông khẳng định cây dừa và cây me là gia đình ông trồng trên đất nhà nước chứ không trồng trên đất bà Phụng, nếu nhà nước thu hồi để sử dụng thì ông sẵn sàng đón dừa, đón me trả cho nhà nước. Còn việc bà Phụng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất công ông sẽ có khiếu nại yêu cầu chính quyền xem xét lại theo quy định pháp luật. Ông thống nhất kết quả đo đạc, định giá và biên bản xem xét thẩm định của Tòa án làm cơ sở giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Nguyễn Nam P thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Thanh Đ.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2021/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P: Buộc ông Nguyễn Thanh Đ, bà Phạm Thị R, anh Nguyễn Nam P, anh Nguyễn Đức C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất diện tích 47,8m² (phần 2) và tháo dỡ mái che bằng tole kẽm (phần t1) theo hoạ đồ hiện trạng ngày 24/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B của thửa đất số 717, tờ bản đồ số 5, toạ lạc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre do bà Phạm Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 07019 ngày 24/12/2019.

Bà Phạm Thị P có quyền sở hữu các cây trồng: 01 cây me, 01 cây dừa, 01 cây gòn lớn, 02 cây gòn nhỏ, 03 cây trứng cá nhỏ, 01 bụi cây gòn nhỏ, 01 bụi cây mật gấu tự mọc trên phần đất thửa 717, tờ bản đồ số 5.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/10/2021, bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm với lý do phần đất tranh chấp là đất công nhưng do bà Phụng kê khai không đúng sự thật để được cấp quyền sử dụng đất, trong khi gia đình ông đã sử dụng phần đất này từ năm 1968 đến nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của TAND huyện B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả các bên đương sự tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Phạm Thị P yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ, bà Phạm Thị R, anh Nguyễn Nam P, anh Nguyễn Đức C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất diện tích 47,8m² (phần 2) và tháo dỡ mái che bằng tole kẽm (phần t1) theo hoạ đồ hiện trạng ngày 24/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thuộc thửa đất số 717, tờ bản đồ số 5, toạ lạc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre, do phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ngày

24/12/2019 diện tích 167,6m² do bà Phạm Thị P nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Ngọc Được (anh ruột bà Phụng). Bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn, lý do phần đất tranh chấp là đất công không phải đất của bà Phụng. Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ có đơn kháng cáo.

[2] Theo biên bản xác minh ngày 07/6/2021, UBND xã A, huyện B cung cấp thông tin thửa đất số 717, tờ bản đồ số 5 có nguồn gốc của cụ Trần Thị Vinh nhận chuyển nhượng của cụ Trần Thị Cẩm vào năm 1972. Cụ Vinh sử dụng đến năm 1985 thì cho lại con ruột là Phạm Ngọc Được sử dụng ổn định và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2019. Đến năm 2020 ông Được chuyển nhượng lại cho bà Phụng. Phần đất tranh chấp thuộc thửa 717, tờ bản đồ số 5 không nằm trong danh sách đất công của xã A. Việc chỉ trụ ranh tứ cận của bà Phụng là đúng so với bản đồ đo đạc năm 2019 khi ông Được sang nhượng đất cho bà Phụng. Từ đó UBND xã xác nhận cho bà Phụng đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phụng là đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp là đất công do bị đơn quản lý. Do đó, hành vi của ông Điền, bà R, anh C, anh Phong cản trở quyền sử dụng đất của bà Phụng đã vi phạm quy định tại khoản 10 Điều 12, Điều 166 của Luật đất đai năm 2013, nên Tòa sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở là có căn cứ.

[3] Đối với các cây trồng trên đất của nguyên đơn, nguyên đơn cho rằng do cha nguyên đơn trồng và một số cây tự mọc, bị đơn cho rằng cây trồng là của bị đơn tuy nhiên bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Xét thấy, các cây trồng này nằm trên đất của nguyên đơn và đã nhà nước cấp quyền sử dụng đất nên thuộc quyền quản lý, sử dụng của nguyên đơn.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét kháng cáo của ông Điền là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Điền là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2021/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các 26, 35, 39, 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 169 Bộ luật dân sự, Điều 12, 166 Luật đất đai; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P.

Buộc ông Nguyễn Thanh Đ, bà Phạm Thị R, anh Nguyễn Nam P, anh Nguyễn Đức C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất diện tích 47,8m² (2) và tháo dỡ mái che bằng tole kẽm, diện tích 3m² (t1) theo Hoạ đồ hiện trạng thửa đất ngày 17/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thuộc thửa đất số 717, tờ bản đồ số 5, toạ lạc xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre do bà Phạm Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có hoạ đồ kèm theo).

Bà Phạm Thị P có quyền sở hữu các cây trồng: 01 cây me, 01 cây dừa, 01 cây gòn lớn, 02 cây gòn nhỏ, 03 cây trứng cá nhỏ, 01 bụi cây gòn nhỏ, 01 bụi cây mật gấu tự mọc trên phần đất thửa 717, tờ bản đồ số 5.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Thanh Đ, bà Phạm Thị R, anh Nguyễn Nam P, anh Nguyễn Đức C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị P số tiền 4.027.000 (bốn triệu không trăm hai mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh Đ được miễn. Bà Phạm Thị R, anh Nguyễn Nam P, anh Nguyễn Đức C mỗi người phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Hoàn trả cho bà Phạm Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu án phí số 0004390 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh Đ được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Thị Ngọc Hương